

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

## **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN I**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

(đã được kiểm toán)

## NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo Kiểm toán độc lập	04
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	05 - 32
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	05 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 32

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Xây lắp Điện 1 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ Phần Xây lắp Điện 1 được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103008651 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 20 tháng 7 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 11 tháng 11 năm 2013 với số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới 0100100745.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 18 Lý Văn Phúc, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trịnh Văn Tuấn	Chủ tịch
Ông Vũ Văn Tứ	Phó Chủ tịch
Ông Võ Hồng Quang	Ủy viên
Bà Mai Thị Hiền	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trịnh Văn Tuấn	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Văn Tứ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Văn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Văn Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Hồng Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Nhật Tân	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Hải Hà	Trưởng ban kiểm soát
Ông Nguyễn Trọng Đức	Thành viên
Ông Đỗ Văn Hào	Thành viên

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;

**Công ty Cổ Phần Xây lắp Điện I**

Số 18 Lý Văn Phúc, Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội

- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

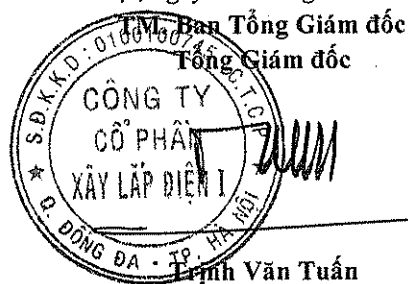
Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2013, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

**Cam kết khác**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC, ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2014



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ Phần Xây lắp Điện 1**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ Phần Xây lắp Điện 1 được lập từ trang 05 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Cơ sở ý kiến

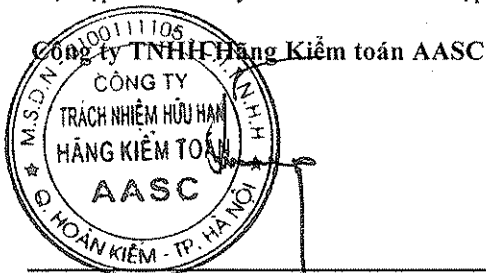
Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây lắp điện 1 tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



**Nguyễn Quốc Dũng**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0285-2013-002-1

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2014



**Nguyễn Thanh Hương**

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1918-2013-002-1

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
			VND	VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>1.878.738.396.622</b>	<b>1.031.760.173.008</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>284.960.384.538</b>	<b>74.723.627.463</b>
111	1. Tiền		99.560.384.538	33.473.627.463
112	2. Các khoản tương đương tiền		185.400.000.000	41.250.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>870.716.785.113</b>	<b>506.610.695.345</b>
131	1. Phải thu của khách hàng		827.664.201.219	452.496.529.741
132	2. Trả trước cho người bán		53.114.806.908	41.352.512.343
135	5. Các khoản phải thu khác	<b>4</b>	14.086.922.874	23.367.433.695
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(24.149.145.888)	(10.605.780.434)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>5</b>	<b>702.195.987.291</b>	<b>430.506.318.465</b>
141	1. Hàng tồn kho		702.566.805.128	431.483.149.915
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(370.817.837)	(976.831.450)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>20.865.239.680</b>	<b>19.919.531.735</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		550.875.372	727.126.419
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		275.822.454	573.221.351
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	<b>6</b>	5.575.582	4.411.482
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	<b>7</b>	20.032.966.272	18.614.772.483
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>241.724.508.726</b>	<b>207.352.054.731</b>
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>91.225.144.429</b>	<b>83.106.520.912</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	<b>8</b>	74.857.048.698	80.310.537.740
222	- Nguyên giá		235.778.212.432	234.265.344.849
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(160.921.163.734)	(153.954.807.109)
227	3. Tài sản cố định vô hình	<b>9</b>	2.334.284.135	2.758.298.724
228	- Nguyên giá		10.913.551.854	10.816.571.854
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(8.579.267.719)	(8.058.273.130)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	<b>10</b>	14.033.811.596	37.684.448
<b>240</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>11</b>	<b>9.768.451.171</b>	<b>10.189.189.289</b>
241	- Nguyên giá		11.076.525.175	11.076.525.175
242	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(1.308.074.004)	(887.335.886)
<b>250</b>	<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>12</b>	<b>116.439.682.379</b>	<b>98.152.070.000</b>
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		110.417.912.379	92.130.300.000
258	3. Đầu tư dài hạn khác		6.021.770.000	6.021.770.000
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>19.849.648.328</b>	<b>9.982.164.638</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	<b>13</b>	13.742.854.645	9.349.539.840
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	<b>14</b>	5.918.657.683	384.488.798
268	3. Tài sản dài hạn khác	<b>15</b>	188.136.000	248.136.000
<b>269</b>	<b>VI. Lợi thế thương mại</b>		<b>4.441.582.419</b>	<b>5.922.109.892</b>
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>2.120.462.905.348</b>	<b>1.239.112.227.739</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
			VND	VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
300	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>1.624.181.308.083</b>	<b>907.234.137.554</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>1.623.977.853.538</b>	<b>902.998.744.006</b>
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	16	386.573.223.066	409.022.249.240
312	2. Phải trả cho người bán		326.526.023.665	187.261.383.350
313	3. Người mua trả tiền trước		620.111.523.612	141.070.770.454
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	74.642.713.451	40.449.104.279
315	5. Phải trả người lao động		46.637.092.628	37.910.442.896
316	6. Chi phí phải trả	18	18.225.105.819	16.384.089.781
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	19	41.643.312.048	48.407.741.797
320	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	20	102.311.446.904	15.617.436.366
323	11. Quỹ khen thưởng và phúc lợi		7.307.412.345	6.875.525.843
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>203.454.545</b>	<b>4.235.393.548</b>
333	3. Phải trả dài hạn khác	21	199.200.000	31.200.000
334	4. Vay và nợ dài hạn	22	-	4.200.000.000
338	8. Doanh thu chưa thực hiện		4.254.545	4.193.548
400	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>462.341.492.281</b>	<b>321.604.695.036</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	23	<b>462.341.492.281</b>	<b>321.604.695.036</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		180.000.000.000	140.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		4.726.187.500	25.832.187.500
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		5.011.985.488	3.261.985.488
414	4. Cổ phiếu quỹ (*)		-	(18.106.000.000)
415	5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		432.841.146	432.841.146
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		(1.202.574.565)	717.039.224
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		15.826.517.442	11.796.873.394
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		12.915.963.569	9.153.056.781
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		244.630.571.701	148.516.711.503
439	<b>C. Lợi ích của cổ đông thiểu số</b>		<b>33.940.104.984</b>	<b>10.273.395.149</b>
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>2.120.462.905.348</b>	<b>1.239.112.227.739</b>

Người lập biểu



Phạm Thanh Bình

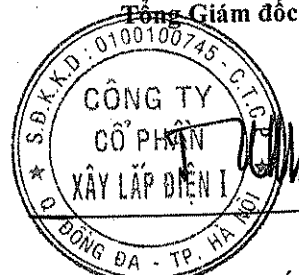
Kế toán trưởng



Đoàn Thị Liên

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2014

Tổng Giám đốc



Trịnh Văn Tuấn

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
4. Nợ khó đòi đã xử lý		12.373.726.137	12.373.726.137
5. Ngoại tệ các loại USD		10.175,30	10.105,61

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2014

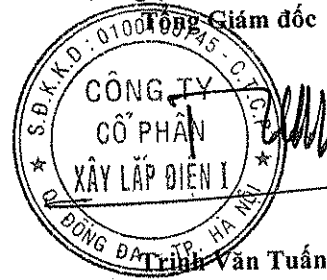
Người lập biểu

Kế toán trưởng



Phạm Thanh Bình

Đoàn Thị Liên





## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2013

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24	2.024.239.105.550	1.407.458.523.929
02	2. Các khoản giảm trừ		-	17.542.400
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	25	2.024.239.105.550	1.407.440.981.529
11	4. Giá vốn hàng bán	26	1.604.976.903.704	1.182.030.828.029
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		419.262.201.846	225.410.153.500
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	27	1.883.915.135	1.175.497.579
22	7. Chi phí tài chính	28	50.775.732.779	62.277.835.494
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		50.313.562.310	62.090.145.136
24	8. Chi phí bán hàng		75.643.969.264	6.699.616.390
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		108.987.438.042	80.855.100.942
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		185.738.976.896	76.753.098.253
31	11. Thu nhập khác	29	7.420.433.825	2.577.895.808
32	12. Chi phí khác	30	2.846.123.688	1.116.408.897
40	13. Lợi nhuận khác		4.574.310.137	1.461.486.911
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		190.313.287.033	78.214.585.164
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31	53.387.126.824	14.231.007.110
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	32	(5.534.168.885)	270.559.689
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		142.460.329.094	63.713.018.365
61	19. Lợi ích của cổ đông thiểu số		3.094.372.752	2.408.489.599
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ		<u>139.365.956.342</u>	<u>61.304.528.766</u>
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	33	9.291	4.426

Người lập biểu



Phạm Thanh Bình

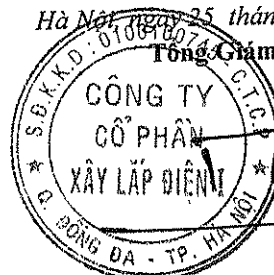
Kế toán trưởng



Đoàn Thị Liên

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2014

Tổng Giám đốc



Trịnh Văn Tuấn

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2013  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>190.313.287.033</b>	<b>78.214.585.164</b>
	<b>2. Điều chỉnh các khoản</b>		<b>160.340.764.471</b>	<b>72.580.056.149</b>
02	- Khấu hao TSCĐ		18.402.792.468	20.886.161.167
03	- Các khoản dự phòng		99.631.362.379	(8.906.456.240)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		(83.590.256)	8.150.650
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(7.923.362.430)	(1.497.944.564)
06	- Chi phí lãi vay		50.313.562.310	62.090.145.136
08	<b>3. Lợi nhuận từ HĐ kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>350.654.051.504</b>	<b>150.794.641.313</b>
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(374.702.807.843)	34.196.970.738
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(271.083.655.213)	(39.858.176.416)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		630.441.599.603	68.829.985.860
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(2.485.257.803)	4.343.204.854
13	- Tiền lãi vay đã trả		(56.374.337.766)	(58.874.279.708)
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(21.456.446.803)	(13.388.325.861)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		12.761.910.436	793.978.455
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(6.684.857.595)	(9.069.665.049)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>261.070.198.520</b>	<b>137.768.334.186</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác		(14.783.065.676)	(3.914.029.466)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác		1.263.736.008	528.968.182
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(880.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	7.210.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(20.207.226.168)	(10.055.570.000)
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.718.193.975	1.175.497.579
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(32.008.361.861)</b>	<b>(5.935.133.705)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		10.000.000.000	-
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	(18.106.000.000)
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		1.084.904.269.206	849.112.582.414
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(1.111.553.295.380)	(933.980.717.149)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(2.177.987.672)	(23.938.132.434)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(18.827.013.846)</b>	<b>(126.912.267.169)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>		<b>210.234.822.813</b>	<b>4.920.933.312</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>		<b>74.723.627.463</b>	<b>69.774.259.178</b>
61	<b>Ảnh hưởng của tỷ giá hối đoái đến quy đổi ngoại tệ</b>		<b>1.934.262</b>	<b>28.434.973</b>
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>		<b>284.960.384.538</b>	<b>74.723.627.463</b>

Người lập biểu



Phạm Thanh Bình

Kế toán trưởng



Đoàn Thị Liên

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2014

Tổng Giám đốc



Trần Văn Tuấn